| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẠI TỪ**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| Số: 221/2020/QĐST-HNGĐ | *Đại Từ, ngày 30 tháng 9 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 408/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị S, S năm 1973
ĐKNKTT: Xóm Y, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh Vũ Tiến D, S năm 1973
Trú tại: Xóm Y, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị S và anh Vũ Tiến D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trước khi Tòa án hòa giải như sau: Tài sản chung gồm có:

- Diện tích đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.438$m^2$ , trong đó có 400$m^2$ đất ở nông thôn, còn lại là đất trồng cây lâu năm khác. Địa chỉ thửa đất tại xóm Yên Thái, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tài sản trên đất: nhà cấp 4 cùng công trình phụ và cây cối trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 421720 do UBND huyện Đại Từ cấp ngày 10/9/1993 mang tên anh Vũ Văn D.

- Diện tích đất tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.219$m^2$ đất RSX. Địa chỉ thửa đất tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 482624 do UBND huyện Đại Từ cấp ngày 31/10/2013 mang tên anh Vũ Tiến D và chị Ngô Thị S. Trên đất hiện trồng keo.

- Diện tích đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.413 $m^2$ đất BHK. Địa chỉ thửa đất tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng chè

- Diện tích đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, diện tích 858 $m^2$ đất LUC. Địa chỉ thửa đất tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng chè.

- Diện tích đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 4130 $m^2$ đất lòng hồ chỉ được phép canh tác khi đất không ngập nước. Địa chỉ thửa đất tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, hiện nước đang ngập trên đất không canh tác gì.

Vợ chồng không có tài sản cho ai vay và không nợ ai.

Hai bên thoả thuận việc phân chia tài sản chung như sau:

- Diện tích đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.438$m^2$ , trong đó có 400$m^2$ đất ở nông thôn, còn lại là đất trồng cây lâu năm khác. Địa chỉ thửa đất tại xóm Yên Thái, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tài sản trên đất: nhà cấp 4 cùng công trình phụ và cây cối trên đất. Anh D và chị S thống nhất để lại toàn bộ tài sản này cho ba con chung, cụ thể như sau: Cháu Vũ Ngọc Sơn sử dụng ½ diện tích đất trên (trong đó có 200$m^2$ thổ cư) và sở hữu tài sản trên đất, phần đất có nhà và công trình phụ cùng cây cối trên đất. Tạm giao cho anh D quản lý khối tài sản này cho đến khi cháu Sơn hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cháu Sơn.

Cháu Chi và cháu Thu sử dụng ½ diện tích đất còn lại và sở hữu tài sản trên đất là nhà tạm và cây cối trên đất (mỗi cháu được sử dụng ½ diện tích đất trên, đều được chia phần đất mặt đường bằng nhau và được chia 100$m^2$ thổ cư). Cháu Chi và cháu Thu có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.219$m^2$ đất RSX. Địa chỉ thửa đất tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 482624 do UBND huyện Đại Từ cấp ngày 31/10/2013 mang tên anh Vũ Tiến D và chị Ngô Thị S. Trên đất hiện trồng keo. Chị S sử dụng 1.600 $m^2$ đất và sở hữu cây keo trên đất (có sơ đồ kèm theo) ; Anh D sử dụng diện tích đất còn lại và sở hữu cây keo trên đất.

- Diện tích đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.413 $m^2$ đất BHK. Địa chỉ thửa đất tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng chè. Anh D sử dụng 1.600$m^2$ đất của thửa này và sở hữu cây chè trên đất; Chị S sở hữu diện tích đất còn lại của thửa này và sở hữu cây chè trên đất cùng diện tích đất và cây chè trên đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, diện tích 858 $m^2$ đất LUC. Địa chỉ thửa đất tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng chè (có sơ đồ kèm theo).

- Diện tích đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 4130 $m^2$ đất lòng hồ chỉ được phép canh tác khi đất không ngập nước. Địa chỉ thửa đất tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, hiện nước đang ngập trên đất không canh tác gì. Tạm giao cho chị S sử dụng để canh tác theo mùa 2000$m^2$ ; Tạm giao cho anh D sử dụng để canh tác theo mùa diện tích đất còn lại của thửa này(vị trí đất phân chia của hai bên có sơ đồ kèm theo).

Các bên cũng thống nhất cách đo đất như sau: vì chỉ chia theo diện tích nên khi đo đất sẽ đo tính từ ba phía lại phần ráp ranh đất của anh D và chị S tính để đủ diện tích cụ thể đã giao cho một bên theo thoả thuận, người được chia phần còn lại của thửa đất sẽ phải chấp nhận theo thực tế đất còn lại.

Nợ chung và các khoản cho vay: không có

- Về án phí: Chị Ngô Thị S tự nguyện nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, anh D nhất trí; hoàn trả chị S 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Chuyển từ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ - BL số 0013096 ngày 13/12/2019.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đại Từ;*
- *Chi cục THADS huyện Đại Từ;*
- *UBNDcấp xã ;*
- *Lưu hồ sơ.*

**Thẩm phán**

**Nguyễn Hồng Mây**